TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **29**/2023/HNGĐ-ST Ngày 16-8-2023 V/v: Tranh chấp về nuôi con và không công nhận là vợ chồng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Dệt và bà Bùi Thị Vân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, về việc: "Tranh chấp về nuôi con và không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Bá T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Bá T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Bá T và chị Đoàn Thị N tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, tình cảm bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn

nhưng anh chị tự hòa giải đoàn tụ. Năm 2018 mâu thuẫn gia đình xảy ra trầm trọng, vì bất đồng quan điểm sống. Anh chị sống ly thân cũng từ năm 2018 cho đến nay. Xác định tình cảm không còn, anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh và chị N là vợ chồng.

- Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Phạm Bá Đ, sinh ngày 11/01/1999 và Phạm Thị Hồng N1, sinh ngày 16/5/2012. Cháu Phạm Bá Đ đã thành niên và tự lập cuộc sống, khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con Phạm Thị Hồng N1 và anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản và nghĩa vụ về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án bị đơn chị Đoàn Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Bá T về chung sống với nhau tự nguyện quyết định vào năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhưng tự hòa giải đoàn tụ. Năm 2018 mâu thuẫn gia đình xảy ra trầm trọng vì bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T yêu cầu Tòa án công nhận anh và chị không phải là vợ chồng, chị đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Bá Đ, sinh ngày 11/01/1999 và Phạm Thị Hồng N1, sinh ngày 16/5/2012. Cháu Phạm Bá Đ đã thành niên và tự lập cuộc sống, cháu Phạm Thị Hồng N1 lâu nay sống cùng anh T. Chị giao con Phạm Thị Hồng N1 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về chia tài sản và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự. Việc thực hiện các thủ tục tố tụng như ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt chị N nhưng chị N đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa hai lần mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị N theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Anh T và chị N về chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình sống chung hai bên thường phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp được. Vì vậy cả hai đã sống mỗi người một nơi. Nay anh T đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh T và chị N là vợ chồng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, không công nhận anh T và chị N là vợ chồng.

+ Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Phạm Bá Đ, sinh ngày 11/01/1999 và Phạm Thị Hồng N1, sinh ngày 16/5/2012. Cháu Phạm Bá Đ đã thành niên và tự lập cuộc sống, cháu Phạm Thị Hồng N1 lâu nay sống cùng anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị giao cháu Ngân cho anh được chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai, chị N cũng có nguyện vọng giao cháu Ngân cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Ngân cũng có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ngân cho anh T chăm sóc nuôi dương. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Đoàn Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Bá T và chị Đoàn Thị N thấy rằng: anh T và chị N tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2000; Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Anh T làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh và chị N không phải là vợ chồng. Mặc dù Tòa án đã có ý kiến để anh chị về đăng ký kết hôn, nhưng anh

chị đều không nhất trí. Xét mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, anh chị kiên quyết không đăng ký kết hôn. Vì vậy, cần áp dụng điểm c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Bá T và chị Đoàn Thị N

[3] Về con chung: Anh Phạm Bá T và chị Đoàn Thị N xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Bá Đ, sinh ngày 11/01/1999 và Phạm Thị Hồng N1, sinh ngày 16/5/2012. Cháu Phạm Bá Đ đã thành niên và tự lập cuộc sống, cháu Ngân có nguyện vọng được ở với anh T, anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng con. Do vậy, cần giao cháu Ngân cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: anh Phạm Bá T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Phạm Bá T khởi kiện vụ án nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 ; Điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội; Điều 8; Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Bá T và chị Đoàn Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Hồng N1, sinh ngày 16/5/2012 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đoàn Thị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Anh Phạm Bá T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh

Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007260 ngày 17/4/2023; chấp nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh T vắng mặt chị N. Anh T có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T, Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh